

# BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 1999-2009: HIỆN TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ CÁC GIẢI PHÁP

PHẠM THỊ XUÂN THỌ\*, PHẠM THỊ BẠCH TUYẾT\*\*

## TÓM TẮT

*Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) là thành phố đông dân nhất Việt Nam, với số dân 7,1 triệu người năm 2009. Tốc độ tăng trưởng dân số TPHCM cao gấp gần 3 lần mức tăng dân số trung bình của cả nước. Nhưng ở đây có sự khác biệt rất lớn về gia tăng dân số giữa khu vực nội thành và ngoại thành. Điều đó có tác động sâu sắc đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường của TPHCM. Bài báo bàn luận về hiện trạng gia tăng dân số, phân bố dân cư TPHCM, phân tích nguyên nhân và đưa ra các giải pháp nhằm phân bố dân cư, sử dụng nguồn lao động hợp lý, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội TPHCM.*

**Từ khóa:** dân số, lao động, tăng trưởng dân số, phân bố dân cư, tỉ lệ tăng tự nhiên, tỉ lệ tăng cơ học.

## ABSTRACT

### *Ho Chi Minh City's population change in the period 1999 - 2009: status, causes and solutions*

*Ho Chi Minh City is the most populous city in Vietnam with the population of 7.1 million in 2009. The population increment in Ho Chi Minh City is 3 times higher than the nation's average population increment. There is, however, a difference between the population increment of the city's center and that of the suburban areas. The difference creates a strong impact on the environmental and social-economic development of the City. This article is about the status of Ho Chi Minh City's population increment and distribution, as well as analyzes the causes and suggests some solutions in order to the population distribute and utilize the human resource adequately so as to advance the City's socio-economic development.*

**Keywords:** population, population increment, population distribution, natural increase rate, net-emigration rate.

### 1. Đặt vấn đề

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố đông dân, có tốc độ tăng trưởng dân số nhanh. Sự biến động dân số của thành phố có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường TPHCM. Dân số tăng nhanh, nguồn lao

động lớn, chất lượng lao động được nâng cao góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế TPHCM. Nhưng sự phân bố dân cư chưa hợp lý đã gây ra nhiều tiêu cực. Vì vậy, để phát triển kinh tế và sử dụng tốt nguồn lao động cần phải nghiên cứu vấn đề dân số TPHCM.

### 2. Biến động dân số TPHCM

Theo số liệu của Cục Thống kê TPHCM, tổng số dân của TPHCM ngày

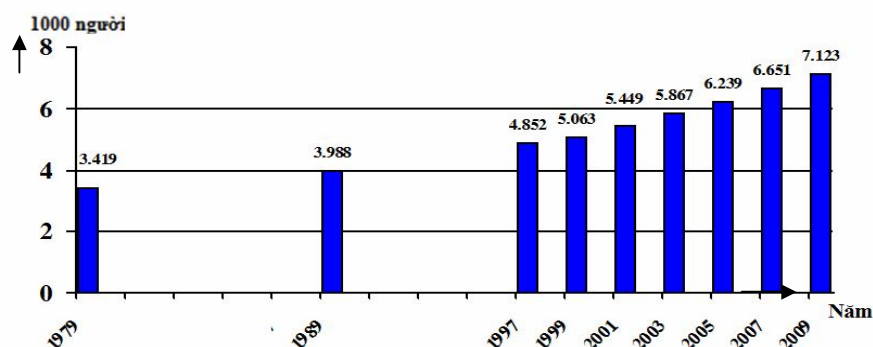
\* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

\*\* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

01 tháng 4 năm 2009 là 7 123 340 người, trong đó 5 841 987 người ở các quận (chiếm 82%) và 1 193 861 người ở các huyện (chiếm 18%). Mật độ dân số thành phố là 3400 người/km<sup>2</sup>, tăng 41,4% so với năm 1999 (2404,4 người/km<sup>2</sup>) và tăng lên 21% so với năm 1979 (1632,4 người/km<sup>2</sup>). Theo tính toán, tỉ lệ tăng dân số bình quân/năm ở TPHCM giai đoạn 1999-2009 tiếp tục tăng với 3,53%, cao hơn các giai đoạn trước (giai đoạn 1979-1989: 1,63% và giai đoạn 1989-1999: 2,36%).

Mặt khác, nếu so sánh các nhân tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng dân số TPHCM, ta thấy: giai đoạn 1979-1989 và 1989-1999 chủ yếu là gia tăng dân số tự nhiên, còn 10 năm gần đây chủ yếu là tăng cơ học. Ngoài ra, sự biến động dân số TPHCM còn có sự khác biệt rất lớn giữa nội và ngoại thành. Ở nội thành trong 10 năm 1999-2009, có xu hướng giảm dân số. Ngược lại, ở các quận ven, quận mới dân số tăng nhanh, còn các huyện dân số tăng chậm (xem biểu đồ 1).

**Biểu đồ 1. Dân số TPHCM từ năm 1979 đến 2009**



Trong giai đoạn 1999-2009, TPHCM có tốc độ tăng dân số cao nhất trong hơn 30 năm gần đây. Trong 10 năm, dân số thành phố tăng thêm 2 060 000 người, trung bình mỗi năm tăng 206 000 người, với tốc độ tăng bình quân hàng năm đạt 3,5%, tăng gấp gần hai lần mức tăng dân số của thành phố trong 10 năm trước (1989-1999) và gấp 3,6 lần mức tăng dân số trong 10 năm 1979-1989.

Tỉ lệ tăng dân số bình quân (gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học) của TPHCM giai đoạn sau luôn cao hơn giai

đoạn trước, trong đó chủ yếu do gia tăng cơ học. Tỉ lệ tăng tự nhiên có xu hướng giảm dần qua các năm: năm 1999 là 1,35% giảm xuống 1,03% năm 2009. Ngược lại, tỉ lệ gia tăng cơ học cao và có xu hướng tăng. Kết quả làm cho tỉ lệ tăng dân số của thành phố thường ở mức cao trên 3%/năm. Gia tăng cơ học có nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu là tìm kiếm việc làm với thu nhập cao hơn, thuận tiện cho kinh doanh sản xuất, học tập và khám chữa bệnh (xem bảng 1).

**Bảng 1. Tỷ lệ gia tăng dân số TP HCM qua các thời kì**

(Đơn vị: %)

	Năm				Thời kì		
	2001	2003	2005	2009	1979-1989	1989-1999	1999-2009
<b>Tỷ lệ gia tăng dân số chung</b>	3,55	3,25	3,14	3,20	1,63	2,36	3,47
<b>Tỷ lệ tăng tự nhiên</b>	1,3	1,18	1,15	1,03	1,61	1,52	1,23
<b>Tỷ lệ tăng cơ học</b>	2,25	2,07	1,99	2,17	0,02	0,84	2,24

Nguồn: Tổng điều tra dân số nhà ở năm 1999, Niên giám thống kê TPHCM các năm

TPHCM có số dân đông nhất nước ta, gấp 1,1 lần dân số TP Hà Nội, gấp 2,1 lần dân số tỉnh Thanh Hóa (tỉnh và thành phố có số dân đông đứng thứ 2 và 3 sau TPHCM); và gấp 16,6 lần dân số tỉnh Kon Tum, 19,3 lần tỉnh Lai Châu và 24,3 lần dân số tỉnh Bắc Kạn.

Dân số ở các quận, huyện TPHCM tăng lên khá nhanh nhưng có sự khác

nhau giữa các quận, huyện. Đặc điểm biến động dân số của thành phố hình thành 3 khu vực: tăng dân số nhanh, tăng dân số chậm và giảm dân số.

**2.1. Dân số giảm ở các quận nội thành cũ**

Các quận nội thành cũ của thành phố gồm các Quận 1, 3, 4, 5, 6, 10, 11 và Phú Nhuận đều giảm dân số.

**Bảng 2. Biến động dân số các quận nội thành cũ**

Quận	Dân số (người)			Tốc độ tăng (%)	
	1999	2004	2009	1989-1999	1999-2009
Quận 1	227 874	199 247	178 878	-1,22	-2,39
Quận 3	223 620	201 425	189 764	-0,87	-1,63
Quận 4	192 984	182 493	179 640	0,49	-0,16
Quận 5	210 708	171 966	170 462	-0,35	-2,09
Quận 6	254 510	241 902	251 912	1,56	-0,10
Quận 10	241 192	235 442	227 226	0,28	-0,59
Quận 11	239 318	229 837	226 620	0,39	-0,54
Phú Nhuận	184 730	175 668	174 497	0,57	-0,56
<b>Nội thành trung tâm</b>	<b>1 774 936</b>	<b>1 637 980</b>	<b>1 598 999</b>	-	<b>-1,04</b>

Nguồn: Tổng điều tra dân số nhà ở TPHCM 1999, 2009; Niên giám thống kê TPHCM các năm, tính toán từ số liệu Niên giám thống kê.

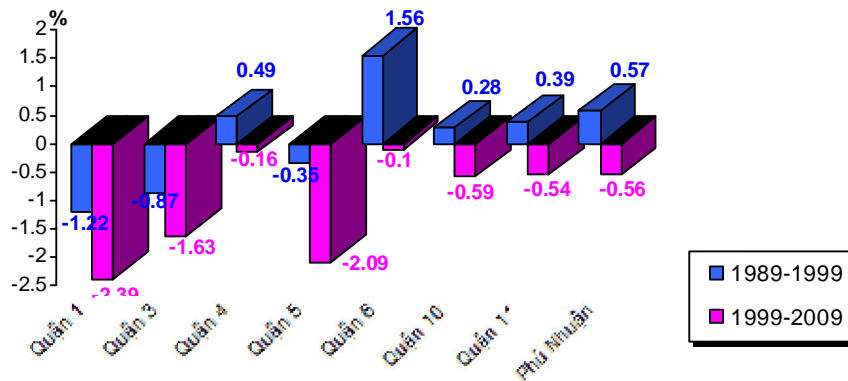
Bảng 2 cho thấy dân số các quận nội thành đã có xu hướng giảm hoặc tăng chậm trong thời kì 1989-1999. Sang đến thời kì 1999-2009 dân số các quận này

giảm khá nhanh. Nếu như 10 năm trước đó (1989-1999), các Quận 1, 3, 5 có dân số giảm, còn các quận khác tăng chậm thì trong 10 năm tiếp theo (1999-2009), tất

cả các quận đều giảm dân số. Dân số nội thành từ 1 774 936 người giảm xuống còn 1598 999 người, giảm 175 937 người với tỉ lệ giảm là 1,04%/năm. Trong đó, giảm mạnh nhất là Quận 5, tỉ lệ giảm - 2,09% (1999 - 2009), giảm 6 lần so với thời

kì 1989-1999 (-0,35%), mỗi năm dân số giảm 4 025 người. Tỉ lệ giảm dân số của các Quận 1, 3, 4, 6 trong thời kì 1999-2009 gấp đôi hoặc hơn so với tỉ lệ giảm dân số thời kì 1989-1999 (xem biểu đồ 2).

**Biểu đồ 2. Tỉ lệ biến động dân số các quận nội thành TPHCM**



Nguyên nhân giảm dân số ở các quận nội thành TP HCM:

Các dự án cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang đô thị của thành phố trong giai đoạn 1999-2009 khiến cho một số lượng lớn dân cư bị giải tỏa phải di dời như: các dự án cải tạo kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè (các Quận 1, 3, 10, Bình Thạnh, Phú Nhuận giải tỏa 11 423 căn nhà dọc kênh), dự án làm sạch kênh Tân Hoá - Lò Gốm, dự án đại lộ Đông - Tây (Quận 1, 2, 5, 6, 8, Bình Tân, Bình Chánh gồm 6754 hộ dân và 368 cơ quan bị giải tỏa, trên tổng diện tích 201,63ha), dự án đường Điện Biên Phủ, đường Hùng Vương, dự án Nhà thi đấu Phú Thọ (Quận 11 với 669 hộ bị di dời)...

Do nhu cầu thuê nhà làm văn phòng, cửa hàng ở các quận trung tâm và giá nhà ở các quận trung tâm tăng cao

nên nhiều hộ gia đình đã cho thuê nhà hoặc bán nhà trong khu trung tâm để ra các quận mới, quận ven, nơi có giá nhà đất rẻ hơn để sinh sống, làm ăn.

Chính quyền thành phố có nhiều chủ trương, đề án thực hiện việc giãn dân từ khu nội thành ra khu vực ngoại thành. Ngoài ra thành phố cũng thực hiện các chính sách ưu đãi về nhà ở cho hộ dân bị di dời giải tỏa. Xây dựng các chung cư dành cho tái định cư ở các quận mới, quận ven và bán cho các hộ dân giải tỏa với giá khá thấp, tương đương 70-80% giá thị trường. Người có thu nhập thấp được mua trả góp căn hộ trong thời hạn 10-15 năm. Chính sách ưu đãi mềm dẻo và hợp lí trong việc đền bù, giải tỏa, trợ cấp được thực hiện nhằm khuyến khích cơ sở sản xuất và hộ dân di chuyển ra ngoại thành.

Với mật độ dân số rất cao ở khu vực nội thành, sự phân bố các yếu tố sản xuất dịch vụ và cả cư trú, vẫn còn xu hướng chọn nội thành làm nơi định vị, như các dự án cao ốc văn phòng, hình thành những tổ hợp thương mại dịch vụ lớn, hay như những khu nhà ở dành cho tái định cư tại chỗ đang thật sự đe dọa những ý đồ giãn dân khỏi khu vực trung tâm thành phố. Nếu không giải quyết được việc phân bố lại dân cư thì khu trung tâm chật chội vẫn không thể giải tỏa được và đô thị phát triển vẫn phải co cụm và phát triển theo phương thức lan tỏa dần dần.

Nếu không thể giãn dân khu nội thành cũ, đặc biệt là khu trung tâm, không giảm được áp lực lớn về mật độ dân số khu vực này thì sẽ gây khó khăn cho việc phát triển và quản lý đô thị. Hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội không thể cứ mở rộng cải tạo liên

tục vì nó ảnh hưởng đến việc giải tỏa, di dời, đền bù cho các hộ dân cư.

**2.2. Dân số tăng nhanh ở các quận ven và quận nội thành mới**

Phát triển kinh tế nói chung và phát triển các Khu công nghiệp - Khu chế xuất (KCN - KCX) của thành phố nói riêng đã thu hút số lượng lớn lao động từ các tỉnh, thành phố khác đến TPHCM làm ăn, sinh sống. Đồng thời với quá trình giãn dân từ các quận trung tâm ra các quận ven, quận mới làm cho dân số các quận ven và quận nội thành mới tăng lên rất nhanh. Trong 10 năm (1999-2009) dân số của các quận ven và quận nội thành mới tăng từ 2 371 002 người (1999) lên 4 242 988 người (2009), tăng thêm 1 871 986 người, trung bình mỗi năm tăng 187 198 người với tốc độ tăng trung bình là 5,99%/ năm (xem bản đồ mật độ dân số TPHCM năm 1999 và 2009).

**Bảng 3. Biến động dân số các quận ven và quận nội thành mới TPHCM**

Quận	1999	2004	2009	1989-1999	1999-2009	2004-2009
Quận 2	102 543	123 968	145 981	3,36	3,59	
Quận 7	112 418	156 895	242 284	5,33	7,98	
Quận 8	330 418	359 194	404 976	2,42	2,06	
Quận 9	149 333	199 150	255 036	3,26	5,50	
Quận 12	169 285	282 864	401 894	4,37	9,03	
Gò Vấp	310 415	443 419	515 954	6,46	5,21	
Tân Bình	581 838	392 521	412 796	5,49*		1,01
Tân Phú	-	361 747	397 635			1,90
Bình Thạnh	404 147	422 875	451 526		1,11	
Thủ Đức	210 605	329 231	442 110	5,49	7,70	
Bình Tân	-	384 889	572 796			8,28
<b>Quận ven và quận mới</b>	<b>2 371 002</b>	<b>3 456 753</b>	<b>4 242 988</b>	-	<b>5,99</b>	-

\* Tân Bình: Gồm Tân Bình và Tân Phú

Nguồn: Tổng điều tra dân số nhà ở TPHCM 1999, 2009; Niên giám thống kê TP HCM các năm; Tính toán từ số liệu Niên giám thống kê.

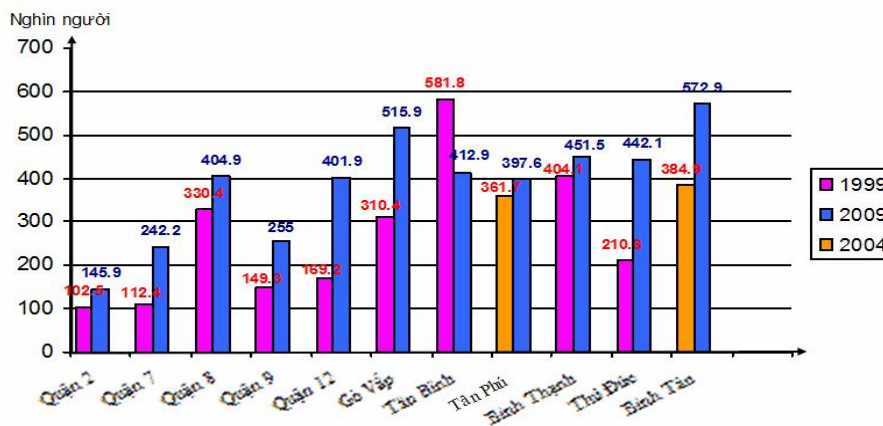
Bảng 3 cho thấy quy mô dân số các quận vùng ven năm 2009 đều tăng so với năm 1999, tốc độ tăng của các quận khá khác biệt. Trong đó, quận có tốc độ tăng nhanh nhất là Quận 12, tỉ lệ tăng dân số bình quân là 9,03%/năm với số dân tăng thêm 232 609 người, gấp hơn hai lần dân số năm 1999.

Quận 7 với việc xây dựng nhiều khu đô thị kiểu mẫu của thành phố trong những năm gần đây như khu đô thị Phú Mỹ Hưng đã thu hút một lượng rất lớn dân cư đến sinh sống, làm cho tỉ lệ tăng dân số bình quân/năm cao thứ 2 sau Quận 12, đạt 7,98%/năm. Dân số trong 10 năm tăng gấp đôi từ 112 418 người (1999) lên 242 284 người (2009). Quận Gò Vấp

hiện là quận có quy mô dân số lớn nhất thành phố (chiếm 7,3% dân số toàn thành phố) và đang tiếp tục tăng mạnh với tốc độ tăng trung bình đạt 5,21%/năm. Năm 2009, quy mô dân số của quận là 515 954 người, tăng 66,2% so với năm 1999 (310 415 người) (xem biểu đồ 3).

Hai quận mới được thành lập năm 2003 là quận Tân Phú (tách ra từ quận Tân Bình) và quận Bình Tân (tách ra từ huyện Bình Chánh) cũng có tốc độ tăng dân số cao. Quận Bình Tân tốc độ tăng đạt 8,28%/năm (2004-2009), tăng 187 907 người trong vòng 5 năm, từ 384 899 người (2004) lên 572 796 người (2009). Quận Tân Phú tăng trung bình 3588 người/năm với tốc độ tăng 1,90%/năm

**Biểu đồ 3. Dân số các quận ven và quận nội thành mới năm 1999 và 2009**



Dân số các quận ven và quận mới tăng nhanh trong thời gian gần đây do nhiều nguyên nhân:

Các KCN, KCX phần lớn được xây dựng ở các quận ven và quận mới như KCN Tân Bình, Tân Tạo, Lê Minh Xuân, KCX Tân Thuận, Linh Trung... đã thu hút một lực lượng lớn lao động từ các tỉnh, thành phố khác đến làm ăn, sinh sống. Theo ước tính của Ban Quản lí

KCN - KCX TPHCM, năm 2007 tổng số lao động ở các KCN - KCX khoảng 247 544 người, trong đó KCX Linh Trung (I và II) thu hút khoảng 69 035 lao động, KCX Tân Thuận thu hút 59 762 lao động. Hai KCX này chiếm tới 52% tổng số lao động trong các KCN - KCX, đa số là lao động nhập cư từ các tỉnh, chiếm khoảng 50-70 % tổng số lao động. Ngoài ra, nhiều nhà máy gây ô nhiễm cao phải di

dời từ nội thành ra bên ngoài, một số nhà máy cần diện tích lớn thường phân bố ở các quận vùng ven, nên thu hút một lực lượng công nhân lớn tập trung ở các quận vùng ven và quận mới.

*Giá đất ở các quận, huyện vùng ven còn rẻ* - đây cũng là nguyên nhân quan trọng đã thu hút được một lượng lớn dân cư từ nội thành ra định cư và người nhập cư từ tỉnh thành khác đến. Hầu hết người lao động nhập cư không thể mua nhà trong khu vực nội thành trung tâm do giá quá cao, họ đều tập trung ở các vùng ven cách trung tâm thành phố khoảng 7- 9 km, khiến cho dân số ở khu vực mới đô thị hóa tăng nhanh.

Ngoài ra, ở các quận mới và vùng ven, cơ sở hạ tầng kỹ thuật như cầu đường, điện, cấp thoát nước được cải thiện một cách đáng kể. Các cơ sở hạ tầng xã hội như trường học, trường dạy nghề, nhà trẻ, bệnh viện, siêu thị được đầu tư phát triển nhiều. Vì vậy, sống ở các quận ven và quận mới, người dân vẫn được tiếp cận khá đầy đủ mọi dịch vụ phục vụ cho sinh hoạt và cuộc sống.

*Đa số các dự án tái định cư, các khu dân cư mới có quy mô tương đối lớn và đồng bộ được triển khai thực hiện tại khu vực các quận mới, quận ven như khu đô thị mới: Phú Mỹ Hưng (Quận 7), Thủ Thiêm (Quận 2).* Một số khu dân cư được hình thành với quy mô lớn như An Lạc 110ha, Bình Hưng 100ha (huyện Bình Chánh), An Phú, An Khánh 143ha (Quận 2). Các khu đô thị mới và khu tái định cư này đã tiếp nhận một lượng lớn dân cư (từ vùng trung tâm ra, từ các tỉnh và thành phố khác đến) làm cho dân số quận ven và quận nội thành mới tăng lên nhanh chóng, mà chủ yếu là do gia tăng cơ học.

**2.3. Dân số tăng chậm ở các huyện**

Trong 10 năm 1999-2009, dân số ở các huyện có tăng nhưng tốc độ tăng chậm hơn so với các quận mới và quận ven, tăng từ 917 933 người lên 1 312 312 người, tốc độ tăng trung bình năm đạt 3,64%/năm. Tổng số dân tăng thêm của các huyện trong 10 năm là 394 379 người, ít hơn 5 lần so với các quận ven và quận mới (1 871 986 người) (xem bảng 4).

**Bảng 4. Quy mô và tốc độ tăng dân số ở các huyện TP HCM**

Huyện	Dân số (người)			Tốc độ tăng (%)	
	1999	2004	2009	1989-1999	1999-2009
Củ Chi	256 212	287 807	343 132	1,58	2,96
Hóc Môn	205 419	243 462	348 840	3,99	5,44
Bình Chánh	334 010*	298 623	421 996	4,97	**
Nhà Bè	63 450	72 271	99 172	0,90	4,56
Cần Giờ	58 842	66 097	99 172	1,58	5,36
<b>Ngoại thành</b>	<b>917 933</b>	<b>968 224</b>	<b>1 312 312</b>	-	<b>3,64</b>

\* Bao gồm dân số của cả Bình Tân.

\*\* Huyện Bình Chánh : 1997 - 2003: 12,1 % (gồm cả Bình Tân), 2004 - 2009: 7,16 %

Nguồn: Tổng điều tra dân số nhà ở 1989, 1999, 2009; Niên giám thống kê TP HCM các năm. Tính toán từ số liệu thống kê TP HCM các năm.

Huyện Bình Chánh có tốc độ tăng dân số cao nhất trong 5 huyện. Giai đoạn 1997-2003, khi chưa tách huyện Bình Chánh thành quận Bình Tân và huyện Bình Chánh, tốc độ tăng dân số đạt 12,1%/năm. Trong 6 năm dân số tăng gấp đôi từ 303 995 người lên 604 553 người, chiếm 74% tổng số dân tăng thêm ở khu vực ngoại thành trong giai đoạn 1997 – 2003 (300 558 người so với 406 603 người của khu vực ngoại thành). Sau khi tách huyện và hình thành một quận mới thì tốc độ tăng dân số huyện Bình Chánh giảm đáng kể, chỉ còn 7,16%/năm (2004-2009), mỗi năm tăng thêm 24 675 người. Quy mô dân số năm 2009 là 421 996 người, lớn nhất so với các huyện còn lại.

Bốn huyện còn lại đều có tỉ lệ tăng dân số cao hơn thời kì 1989-1999: Củ Chi đạt 2,9%/năm, Nhà Bè là 4,56%/năm, Cần Giờ là 5,36%/năm. Tuy vậy, dân số các huyện tăng vẫn còn chậm hơn so với các quận mới.

Dân số các huyện ngoại thành tăng chậm cho thấy sức hút của các huyện chưa cao, nguyên nhân là:

*Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội còn thiếu và yếu*, hệ thống cầu, đường thiếu, kém chất lượng; trường học còn tạm bợ, học sinh phải học ca ba; trạm y tế thiếu cán bộ; hệ thống thông tin liên lạc không đáp ứng đủ nhu cầu; các cơ sở vui chơi giải trí còn ít, nghèo nàn và đơn điệu; hệ thống cung cấp nước sạch thiếu. Người dân huyện Củ Chi gần như chưa có nước máy để sử dụng và Quận 12

cũng mới có 4% hộ dân có nước sạch (2009).

*Các khu công nghiệp và nhà máy không thu hút được nhiều lao động nhập cư từ nơi khác đến.* Một số khu công nghiệp mới xây dựng nhưng khả năng thu hút các dự án cùng vốn đầu tư còn thấp, vì vậy không có nhiều lao động tập trung ở khu vực ngoại thành, ví dụ: KCN Hiệp Phước (Nhà Bè) tỉ lệ diện tích lấp đầy đạt 90,2%, chỉ có 4537 lao động, KCN Tây Bắc Củ Chi có 18 059 lao động và KCN Vĩnh Lộc (Bình Chánh) là 15 970 lao động. Cả 3 KCN này chỉ chiếm 15,6% tổng số lao động trong 12 KCN - KCX đang hoạt động của TPHCM (2007).

*Các dự án xây dựng khu dân cư mới còn ít và quy mô nhỏ*, lại xa trung tâm thành phố nên việc đi lại, tìm việc làm ở quận nội thành khó khăn, tốn kém hơn.

*Cơ hội làm ăn, sinh sống và làm giàu chưa cao, ít cơ hội tìm kiếm việc làm* do dân cư các huyện có mức sống thấp nên chưa tạo được sức thu hút mạnh đối với lao động nhập cư từ nơi khác đến. Vì vậy, những người nhập cư thường ít đến các huyện hơn so với khu vực quận mới và quận ven. Năm 2006 thu nhập bình quân 1 người/1 tháng khu vực nông thôn TP HCM là 988,3 nghìn đồng, thấp hơn 1,6 lần so với khu vực thành thị 1552,7 nghìn đồng. Mức chi tiêu bình quân 1 người/1 tháng thấp hơn 1,7 lần, 650 nghìn đồng so với 1102,8 nghìn đồng khu vực thành thị của thành phố.

Do tỉ lệ tử không biến động nhiều nên tỉ lệ sinh đóng vai trò quan trọng



trong sự gia tăng dân số tự nhiên của TPHCM. Trong những năm qua, tỉ lệ sinh giảm nên tỉ lệ gia tăng tự nhiên có xu hướng giảm dần qua các năm. Năm 1999 là 13,58<sup>0</sup>/<sub>100</sub> đến năm 2008 giảm

xuống còn 10,38<sup>0</sup>/<sub>100</sub>, giảm 3,2<sup>0</sup>/<sub>100</sub> trong 10 năm. Nhìn chung, tỉ lệ gia tăng tự nhiên của TPHCM luôn thấp hơn mức trung bình của cả nước (xem bảng 5).

**Bảng 5. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của cả nước và TPHCM 1999-2009**

(đơn vị: <sup>0</sup>/<sub>100</sub>)

	1999	2001	2003	2005	2007	2009
<b>Cả nước</b>	<b>14,2</b>	-	<b>11,7</b>	<b>13,3</b>	<b>11,6</b>	
<b>TPHCM</b>	13,58	13,00	11,5	11,5	10,58	10,37
- <b>Nội thành</b>	12,98	12,90	11,6	11,17	10,24	10,06
- <b>Ngoại thành</b>	14,50	13,10	11,2	13,25	12,36	11,96

*Nguồn: Niên giám thống kê TPHCM các năm; điều tra biến động dân số - Tổng cục thống kê*

Trong giai đoạn 1999-2009, tỉ lệ gia tăng tự nhiên có xu hướng giảm nhanh ở cả nội thành và ngoại thành TPHCM. Ở khu vực nội thành, giảm 0,296% (từ 1,298% (1999) xuống 1,06% (2009)), thấp hơn mức trung bình của thành phố. Ở ngoại thành, mặc dù tỉ lệ gia tăng tự nhiên luôn cao hơn mức trung bình thành phố, nhưng trong những năm qua do đời sống người dân ngày càng nâng cao, quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ cũng làm cho tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm đáng kể, từ 1,45% năm 1999 xuống 1,196% năm 2009, giảm 0,254%.

Khu vực trung tâm thành phố là khu vực có tỉ lệ gia tăng tự nhiên thấp, càng xa trung tâm, tỉ lệ gia tăng tự nhiên càng cao và các huyện là nơi có tỉ lệ tăng tự nhiên cao nhất thành phố. Trong các quận, quận có tỉ lệ gia tăng tự nhiên cao nhất là Quận 9 (1,33%), thấp nhất là Quận 5 (0,38%), khu vực ngoại thành cao nhất là huyện Nhà Bè (1,31%) và thấp

nhất là huyện Bình Chánh (0,88%) (2007).

### **3. Giải pháp nhằm phát triển và phân bố dân cư hợp lí ở TP Hồ Chí Minh**

Để phát triển dân số và phân bố dân cư phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của TPHCM trong thời gian tới, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Quy hoạch tổng thể và chi tiết, chỉnh trang đô thị hợp lí, quản lí xây dựng nghiêm minh.

- Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải khu dân cư, các dịch vụ công cộng ở khu vực vùng ven và ngoại thành, gắn phân bố dân cư với phân bố sản xuất công nghiệp.

- Tăng cường xây dựng hệ thống giao thông công cộng hiện đại, tiện nghi, vận chuyển nhanh chóng an toàn, góp phần phân bố lại dân cư nguồn lao động ra các vùng ven, ngoại thành.

- Tiếp tục xác định các cơ sở sản xuất, nhà máy xí nghiệp gây ô nhiễm môi trường, di dời giải tỏa ra khỏi khu vực nội thành kết hợp với việc giãn dân nội thành.

- Quy hoạch phát triển công nghiệp và phân bố dân cư TPHCM trên quan điểm vùng và liên vùng. Chuyển các xí nghiệp công nghiệp hàm lượng khoa học kỹ thuật thấp sang các tỉnh lân cận.

- Hạn chế nhập cư vào khu vực nội thành để giảm áp lực về giao thông và nhà ở.

#### 4. Kết luận

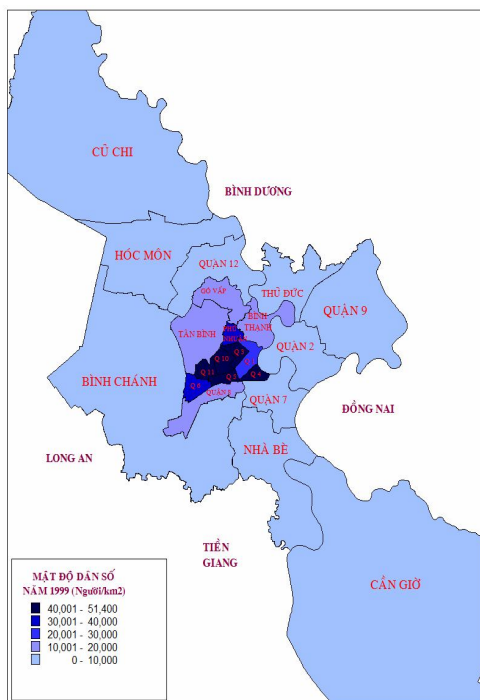
Dân số là yếu tố cơ bản trong phát triển đô thị và kinh tế - xã hội. Do đó,

nếu phát triển dân số và phân bố dân cư hợp lý sẽ tác động tốt đến tăng trưởng kinh tế và phát triển đô thị. Quy mô dân số của TPHCM phát triển quá nhanh và ngày càng tăng, cùng với đặc điểm cư trú của dân cư trên địa bàn đặt ra cho thành phố nhiệm vụ khó khăn trong việc quản lý dân cư nói riêng và quản lý kinh tế - xã hội nói chung. Vì vậy, để quản lý một thành phố lớn và năng động như TPHCM thì cần phải có chính sách phát triển dân số phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để TPHCM trở thành một đô thị văn minh, hiện đại, bền vững và là môi trường sống tốt cho người dân.

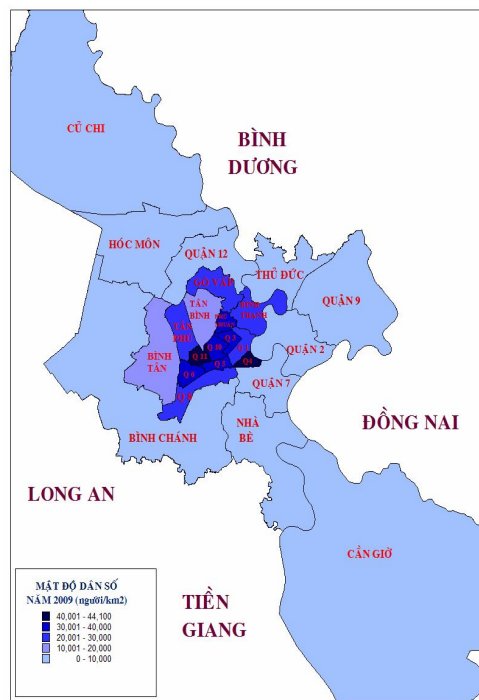
#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bạch Văn Bảy (chủ nhiệm đề tài) (1996), *Một số vấn đề biến đổi và phát triển dân số và nguồn lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, Viện Kinh tế TPHCM.
2. Cục thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, *Niên giám thống kê từ 1990-2009*, Nxb Thống kê, TPHCM.
3. Nguyễn Minh Hòa (2005), *Vùng đô thị Châu Á và TP Hồ Chí Minh*, Nxb Tổng hợp TPHCM.
4. Nguyễn Kim Hồng, Phạm Xuân Hậu, Đào Ngọc Cảnh, Phạm Thị Xuân Thọ (1997), *Giáo trình địa lý kinh tế - xã hội đại cương*, Trường Đại học Sư phạm TPHCM.
5. Nguyễn Kim Hồng (2000), *Dân số học đại cương*, Nxb Giáo dục, TPHCM.
6. Nguyễn Minh Tuệ (2008), *Giáo trình giáo dục dân số - sức khỏe sinh sản* (lưu hành nội bộ), Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

PHỤ LỤC



MẬT ĐỘ DÂN SỐ TP HỒ CHÍ MINH NĂM 1999



MẬT ĐỘ DÂN SỐ TP HỒ CHÍ MINH NĂM 2009

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 27-01-2011; ngày chấp nhận đăng: 21-10-2011)